TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2020
V/v: "Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 480/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phùng Hàn Xuân Y**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 1L, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phương Đại M**, sinh năm 1983 là Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Giấy ủy quyền ngày 09/5/2019*).

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Kim N**, sinh năm: 1973.

Trú tại: Số 2G, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phùng Văn T**, sinh năm 1964; Trú tại: Số 2C, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/9/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Hàn Xuân Y do ông Nguyễn Phương Đại M đại diện theo ủy

quyền trình bày: Bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 162/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tuy nhiên tài sản chung chưa được phân chia. Sau khi ly hôn ông bà không thỏa thuận phân chia tài sản chung nên phát sinh tranh chấp. Bà Y xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 1.028m^2 đất trồng lúa thửa 207, tờ bản đồ 90 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y.

- Diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010. Diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y.

- 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2 (5mx20m) và 01 nhà kho diện tích 12m^2.

- 02 giường ngủ 1,4m x 2m giường sắt; 01 giường ngủ 1,6m x 2m giường gỗ; 01 tủ quần áo tủ ván MDF; 01 bộ bàn ghế phòng khách gồm 02 bàn (01 bàn lớn, 01 bàn nhỏ), 03 ghế (01 ghế đôi, 02 ghế đơn) bàn ghế gỗ, mặt bàn ốp kính; 01 bàn tivi phòng khách giá trị 2.500.000đ; 01 bộ dàn karaoke (Amplifier Victor PS-A04, Mixer Dalton DA-388A, Equalizer EQ-898, Đầu Karaoke Ariang AR3600, Loa EV-S112V); 01 bộ máy vi tính; 01 két sắt hiệu Hong Kong; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu LG; 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gồm bồn nước Inox 1000, giàn chân sắt V5 (đỡ bồn nước), hệ thống ống năng lượng; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo biển số 49E1 046-72 và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34.

Hiện nay Bà Y đang quản lý, sử dụng 01 két sắt hiệu Hong Kong và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34 còn ông N quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

Bà Y khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung trên Bà Y và ông N mỗi người được nhận 1/2 tài sản, giá trị tài sản căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá TT là 1.980.438.000đ. Do tài sản hiện nay ông N quản lý sử dụng, căn nhà trên đất diện tích 5m x 20m không đảm bảo việc phân chia theo hiện vật, ngoài ra căn nhà đang chứa đựng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đảm bảo cho việc ông N nuôi dưỡng con nhỏ nên bà yêu cầu phân chia tài sản theo giá trị, trong đó Bà Y nhận 01 két sắt hiệu Hong Kong giá trị 2.000.000đ và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34 giá

trị 9.000.000đ tổng cộng 11.000.000đ; giao ông Hoàng Kim N được nhận toàn bộ nhà đất và tài sản sinh hoạt trong gia đình và ông N có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản cho bà Y, cụ thể: (1.980.438.000đ : 2) – 11.000.000đ = 979.219.000đ.

Tại đơn xin phản tố, lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Kim N trình bày: Ông và bà Phùng Hàn Xuân Y ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 162/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Ông xác định trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Y tạo lập khối tài sản chung đúng như trình bày của nguyên đơn. Tổng giá trị tài sản chung theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá TT là 1.980.438.000đ.

Ông đồng ý chia tài sản chung cho ông và bà Ymỗi người được nhận 1/2 tài sản, cụ thể phân chia nhà và đất theo hiện vật mỗi người được nhận 1/2 diện tích vì đất có nguồn gốc từ gia đình ông; nguyện vọng của ông được giữ lại 1/2 diện tích đất; ngoài ra điều kiện kinh tế của ông không đủ để thanh toán lại bằng giá trị cho bà Y; đối với đồ dùng sinh hoạt trong gia đình ông có nguyện vọng được nhận 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời giá trị 5.500.000đ, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, biển số 49E1 046-72 giá trị 8.000.000đ và yêu cầu giao bà Y nhận những tài sản sinh hoạt còn lại.

Ngày 25/12/2019 âm lịch, ông có vay của ông Phùng Văn T số tiền 10.000.000đ, không xác định thời hạn vay và có thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926486 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 02/11/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926438 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 02/11/2010 để đảm bảo khoản vay. Hiện nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay và không yêu cầu ông Phùng Văn T trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn T trình bày: Ngày 25/12/2019 âm lịch, ông có cho ông Hoàng Kim N vay số tiền 10.000.000đ, không xác định thời hạn vay, ông N có thế chấp cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926486 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 02/11/2010 mang tên ông Hoàng Kim N, bà Phùng Hàn Xuân Y và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ông Hoàng Kim N, bà Phùng Hàn Xuân Y. Hiện nay ông N

đã trả 3.000.000đ nợ gốc, còn lại 7.000.000đ. Ông không liên quan đến tài sản của ông Hoàng Kim N, bà Phùng Hàn Xuân Y. Nay ông không yêu cầu tòa án giải quyết liên quan đến khoản vay giữa ông và ông Hoàng Kim N. Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Kim N đang thế chấp để đảm bảo khoản nợ cho ông thì ông đồng ý trả trong trường hợp ông Hoàng Kim N yêu cầu trả.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của nguyên đơn trình bày: Bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N đều thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thống nhất xác định giá trị tài sản theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá ngày 16/8/2019 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá TT và thống nhất chia tài sản chung mỗi người được nhận 1/2 tài sản chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì tài sản tuy có nguồn gốc từ gia đình ông N nhưng ông bà đã sử dụng trong 20 năm làm tăng cao giá trị tài sản so với giá trị tài sản tại thời điểm tặng cho, hơn nữa Bà Y không tranh chấp quyền lợi về giá trị tài sản và yêu cầu nhận tài sản bằng giá trị để đảm bảo giá trị sử dụng tài sản của ông N trong điều kiện hiện nay ông N đang trực tiếp sử dụng tài sản và nuôi con nhỏ.

Ý kiến trình bày của bị đơn: Ông đồng ý xác định tài sản chung giữa ông và bà Phùng Hàn Xuân Y; đề nghị Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung theo hiện vật, ông được nhận 1/2 tài sản để đảm bảo việc nuôi dưỡng giáo dục con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn; mỗi người được nhận 50% tài sản chung trên giá trị tổng tài sản đứng tên chung giữa hai người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 162/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng nhưng không chia tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tài sản chung nhưng không thống nhất về phương thức phân chia tài sản chung, nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung theo giá trị và bị đơn yêu cầu chia tài sản chung theo hiện vật nên phát sinh tranh chấp. Xác định đây là vụ án *"Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 162/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông bà xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tài sản chung được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 đối với diện tích đất 1.028m^2 đất trồng lúa thửa 207, tờ bản đồ 90; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 đối với diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 cấp ngày 02/11/2010 đối với diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2 (5m x 20m); 01 nhà kho diện tích 12m^2; 02 giường ngủ 1,4m x 2m giường sắt; 01 giường ngủ 1,6m x 2m giường gỗ; 01 tủ quần áo tủ ván MDF; 01 bộ bàn ghế phòng khách gồm 02 bàn (01 bàn lớn, 01 bàn nhỏ), 03 ghế (01 ghế đôi, 02 ghế đơn) bàn ghế gỗ, mặt bàn ốp kính; 01 bàn tivi phòng khách; 01 bộ dàn karaoke (Amplifier Victor PS-A04, Mixer Dalton DA-388A, Equalizer EQ-898, Đầu Karaoke Ariang AR3600, Loa EV-S112V); 01 bộ máy vi tính; 01 két sắt hiệu Hong Kong; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu LG; 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gồm bồn nước Inox 1000, giàn chân sắt V5 (đỡ bồn nước), hệ thống ống năng lượng; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo biển số 49E1046-72 và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34. Tài sản chung có giá trị: 1.980.438.000đ. Các đương sự không có tranh chấp về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/9/2010 và Hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/12/2010; không khiếu nại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là chứng cứ do các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Trong thời kỳ hôn nhân bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N được tặng cho chung nên có quyền ngang nhau về quyền sử dụng đất và tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản chung: 1.980.438.000đ : 2 = 990.219.000đ.

Nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung theo giá trị trong đó bà yêu cầu được nhận tài sản do hiện nay bà đang quản lý, sử dụng và yêu cầu giao ông N nhận toàn bộ nhà đất vì bà không có nhu cầu sử dụng và đất xung quanh đều của họ hàng của ông N không thuận lợi cho bà sinh sống và sử dụng đất; bị đơn yêu cầu chia tài sản theo hiện vật trong đó mỗi người được nhận 1/2 diện tích nhà đất vì đất có nguồn gốc từ gia đình ông. Xét thấy ông N trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất từ khi ông bà ly hôn, nguyện vọng của ông được giữ lại 1/2 diện tích đất nên nhu cầu được nhận nhà đất của ông N chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật; ngoài ra căn nhà diện tích 100m^2 (5m x 20m) của ông bà xây dựng trên diện tích đất của 02 thửa đất là thửa 940, tờ bản đồ 44 và đất thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với chiều ngang mặt đường 6,5m không đủ điều kiện để phân chia nhà đất theo hiện vật. Tại chứng thư thẩm định giá ngày 16/8/2019 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá TT và các đương sự thống nhất tại phiên tòa xác định giá trị tài sản theo giá thị trường đúng như kết quả thẩm định giá nên Hội đồng xét xử phân chia tài sản theo kết quả thẩm định giá này. Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện nhu cầu, mục đích sử dụng, để đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản, ý chí của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm định giá, Hội đồng xét xử thấy cần phải phân chia khối tài sản chung của Bà Y và ông N như sau:

Chia cho ông Hoàng Kim N được quyền sử dụng diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y và diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y giá trị đất 1.066.400.000đ + 360.000.000đ = 1.426.400.000đ; 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2 (5mx20m) giá trị 192.500.000đ; 01 nhà kho diện tích 12m^2 giá trị 17.050.000đ; 02 giường ngủ 1,4m x 2m giường sắt giá trị 1.100.000đ; 01 giường

ngủ 1,6m x 2m giường gỗ giá trị 1.500.000đ; 01 tủ quần áo tủ ván MDF giá trị 1.500.000đ; 01 bộ bàn ghế phòng khách gồm 02 bàn (01 bàn lớn, 01 bàn nhỏ), 03 ghế (01 ghế đôi, 02 ghế đơn) bàn ghế gỗ, mặt bàn ốp kính giá trị 12.000.000đ; 01 bàn tivi phòng khách giá trị 2.500.000đ; 01 bộ dàn karaoke (Amplifier Victor PS-A04, Mixer Dalton DA-388A, Equalizer EQ-898, Đầu Karaoke Ariang AR3600, Loa EV-S112V) giá trị 6.200.000đ; 01 bộ máy vi tính giá trị 1.350.000đ; 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 1.300.000đ; 01 máy giặt hiệu LG giá trị 1.100.000đ; 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gồm bồn nước Inox 1000, giàn chân sắt V5 (đỡ bồn nước), hệ thống ống năng lượng giá trị 5.500.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, biển số 49E1 046-72 giá trị 8.000.000đ. Tổng giá trị tài sản: 1.678.000.000đ. Ông Hoàng Kim N có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật và có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung, giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phùng Hàn Xuân Y.

Chia cho bà Phùng Hàn Xuân Y được nhận diện tích đất 1.028m^2 đất trồng lúa thửa 207, tờ bản đồ 90 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y giá trị 291.438.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34 giá trị 9.000.000đ; 01 két sắt hiệu Hong Kong giá trị 2.000.000đ; tổng giá trị tài sản 302.438.000đ và được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung (1.980.438.000 đ: 2) – 302.438.000đ = 687.781.000đ do ông N thanh toán, được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 do ông N giao trả.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu không yêu cầu giải quyết về khoản vay ngày 25/12/2019 âm lịch nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong trường hợp ông N và ông T tranh chấp có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án khác.

Do ông Hoàng Kim N được nhận diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thuộc thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y; diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y và hiện nay ông Phùng Văn T đang quản lý 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 diện tích đất trên nên cần buộc ông T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926486 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 02/11/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cho ông Hoàng Kim N là phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Số tiền 1.200.000đ và 16.860.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp là cần thiết để giải quyết vụ án nên bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N mỗi người phải chịu 1/2 chi phí, cụ thể: 18.060.000đ : 2 = 9.030.000đ. Do bà Y nộp và quyết toán xong nên ông N có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Y số tiền 9.030.000đ.

[4] Về án phí:

Bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia 990.219.000đ = 800.000.000đ án phí là 36.000.000đ + 3% x 190.219.000đ = 36.000.000đ + 5.705.570 = 41.705.570đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Hàn Xuân Y về chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Hoàng Kim N.

Xác định diện tích đất 1.028m^2 đất trồng lúa thửa 207, tờ bản đồ 90 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011; diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thuộc thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010; diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản

đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 ngày 02/11/2010 (*đều mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y*); 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2 (5mx20m); 01 nhà kho diện tích 12m^2; 02 giường ngủ 1,4m x 2m; 01 giường ngủ 1,6m x 2m giường gỗ; 01 tủ quần áo tủ ván MDF; 01 bộ bàn ghế phòng khách gồm 02 bàn (01 bàn lớn, 01 bàn nhỏ), 03 ghế (01 ghế đôi, 02 ghế đơn) bàn ghế gỗ, mặt bàn ốp kính; 01 bàn tivi phòng khách; 01 dàn karaoke; 01 dàn vi tính; 01 két sắt hiệu Hong Kong; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu LD; 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gồm bồn nước Inox 1000, giàn chân sắt V5 (đỡ bồn nước), hệ thống ống năng lượng; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, biển số 49E1 046-72 và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34 là tài sản chung của bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N.

Chia cho ông Hoàng Kim N được quyền sử dụng diện tích đất 89m^2 (đất ở đô thị 56m^2, đất trồng cây hàng năm khác 33m^2) thửa 940, tờ bản đồ 44 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y và diện tích đất 95m^2 (đất ở đô thị 68m^2, đất trồng cây hàng năm khác 27m^2) thửa 98, tờ bản đồ 45 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 926486 ngày 02/11/2010 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y giá trị 1.426.400.000đ; 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2 (5mx20m) giá trị 192.500.000đ; 01 nhà kho diện tích 12m^2 giá trị 17.050.000đ; 02 giường ngủ 1,4m x 2m giường sắt giá trị 1.100.000đ; 01 giường ngủ 1,6m x 2m giường gỗ giá trị 1.500.000đ; 01 tủ quần áo tủ ván MDF giá trị 1.500.000đ; 01 bộ bàn ghế phòng khách gồm 02 bàn (01 bàn lớn, 01 bàn nhỏ), 03 ghế (01 ghế đôi, 02 ghế đơn) bàn ghế gỗ, mặt bàn ốp kính giá trị 12.000.000đ; 01 bàn tivi phòng khách giá trị 2.500.000đ; 01 bộ dàn karaoke (Amplifier Victor PS-A04, Mixer Dalton DA-388A, Equalizer EQ-898, Đầu Karaoke Ariang AR3600, Loa EV-S112V) giá trị 6.200.000đ; 01 bộ máy vi tính giá trị 1.350.000đ; 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 1.300.000đ; 01 máy giặt hiệu LG giá trị 1.100.000đ; 01 hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gồm bồn nước Inox 1000, giàn chân sắt V5 (đỡ bồn nước), hệ thống ống năng lượng giá trị 5.500.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, biển số 49E1 046-72 giá trị 8.000.000đ (Tổng giá trị tài sản ông N nhận: 1.678.000.000đ). Ông Hoàng Kim N có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản chung 687.781.000đ *(sáu trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng)*; trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 cho

bà Phùng Hàn Xuân Y.

Chia cho bà Phùng Hàn Xuân Y được quyền sử dụng diện tích đất 1.028m^2 đất trồng lúa thửa 207, tờ bản đồ 90 thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 mang tên Hoàng Kim N, Phùng Hàn Xuân Y giá trị 291.438.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Luvias biển số 49E1 066-34 giá trị 9.000.000đ; 01 két sắt hiệu Hong Kong giá trị 2.000.000đ (Tổng giá trị tài sản Bà Ynhận 302.438.000đ) và được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung 687.781.000đ *(sáu trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng)* do ông Hoàng Kim N thanh toán, được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 335534 ngày 06/01/2011 do ông Hoàng Kim N giao trả. Bà Yco trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Buộc ông Phùng Văn T trả cho ông Hoàng Kim N: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926486 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 02/11/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 926438 ngày 02/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phùng Hàn Xuân Y và ông Hoàng Kim N mỗi người phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản là 9.030.000đ. Bà Y đã quyết toán xong và ông N có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Y số tiền 9.030.000đ.

4. Về án phí:

Buộc bà Phùng Hàn Xuân Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 41.705.570đ được khấu trừ vào 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0006217 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Phùng Hàn Xuân Y tiếp tục phải nộp 40.455.000đ án phí.

Buộc ông Hoàng Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 41.705.570đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hạnh